

Yêu cầu chị Lê Anh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), rút lại yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn chị Lê Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

* Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Hồng M và chị Nguyễn Ngọc Mỹ A có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, chị M và chị A có bản tự khai thống nhất trình bày như sau: Khi bà H2 là mẹ ruột các chị lâm bệnh nặng, bà H2 có trao lại cho cha các chị là ông H tờ biên nhận vay tiền của chị Lê Anh T, nay mẹ các chị đã mất, các chị thống nhất với yêu cầu đòi lại tiền của cha chị là ông H. Ngoài ra, không trình bày gì thêm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Lê Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Hồng M và chị Nguyễn Ngọc Mỹ A có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Yêu cầu chị Lê Anh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), rút lại yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của phía nguyên đơn thì ngày 10/10/2022 chị Lê A1 có vay của bà Nguyễn Ngọc H1 số tiền 15.000.000 đồng, đến ngày 22/4/2024 bà H1 đã chết, nay ông H là hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 có đơn yêu cầu chị T trả lại số tiền nêu trên. Chị M và chị A cũng đồng là hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 cũng thống nhất yêu cầu của ông H.

Phía ông H đã cung cấp được bản chính hợp đồng vay tiền vào ngày 10/10/2022, có chữ ký, chữ viết của chị T. Tuy nhiên, phía bị đơn chị T đã vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, từ đó cho thấy chị T đã từ chối quyền chứng minh của mình. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Ông H rút lại yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Thời hạn trả nợ: Ông H yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Chị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 244, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc chị Lê Anh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí:

+ Chị Lê Anh T có nghĩa vụ nộp 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn H thuộc diện người cao tuổi, được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh